

Bản án số: 17/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 26/10/2017
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E – TỈNH THANH HÓA

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Lâm
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thanh Hùng
2. Bà Hà Thị Thanh.

Th- ký phiên tòa: Bà Ninh Thị Hải — Thư ký Tòa án nhân dân huyện E.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thuận - KSV.

Hôm nay ngày 26/10/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2017/TLST-HNGĐ ngày 03/8/2017 về việc: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn* theo Quyết định đ-a vụ án ra xét xử số 33/2017/QĐXX-ST ngày 08/9/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị A** – Sinh năm 1991
Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện E, tỉnh Thanh Hóa.
Bị đơn: Anh **Bùi Văn B** - sinh năm 1992
Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện E, tỉnh Thanh Hóa.
Tại phiên tòa có mặt chị **A**, anh **B**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện vụ án ly hôn ngày 02/8/2017 và bản tự khai nguyên đơn chị **Lê Thị A** trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh **Bùi Văn B** xây dựng gia đình với nhau vào năm 2010, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã **D**, huyện **E** vào ngày 20/6/2010.

Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận được hơn một năm và sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh **B** thường xuyên rượu chè, cờ bạc không tu chí làm ăn, không còn quan tâm đến gia đình vợ con, sau những

lần rượu say về nhà chửi bới nhục mạ, đánh đập chị; bản thân chị đã nhiều lần khuyên nhủ, nhưng anh **B** vẫn không thay đổi dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi cọ nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và nặng nề hơn. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên từ cuối năm 2016 đến nay chị và anh **B** đã sống ly thân, không còn ai quan tâm đến nhau, không ai còn có trách nhiệm đến ai. Việc mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình dàn xếp, khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh **B**.

Về con chung : Chị và anh **B** có 01 con chung: cháu Bùi Thị Diệu F – Sinh ngày 06/02/2011. Ly hôn nguyện vọng của chị xin đ- ợc trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh **B** cấp d- ỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ, bị đơn anh Bùi Văn B trình bày:

Về hôn nhân: Anh **B** thống nhất nh- ý kiến của chị **A** về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh thường xuyên vui với bạn bè uống rượu say, về nhà không kiểm chế được bản thân nên xúc phạm, chửi bới, đánh đập chị **A**. Khi xảy ra mâu thuẫn bố mẹ hai bên đã dàn xếp, khuyên bảo, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã trở nên trầm trọng từ cuối năm 2016 và sống ly thân từ đó cho đến nay.

Nay chị **A** có đơn khởi kiện xin ly hôn anh, anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên anh mong muốn đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Nếu chị **A** cương quyết xin ly hôn anh thì anh vẫn không đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị **A** có thể đoàn tụ với nhau.

Về con chung: Anh thống nhất nh- ý kiến của chị **A** về số con chung, tên tuổi của cháu. Ly hôn, chị **A** có nguyện vọng trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh cấp d- ỡng tiền nuôi con chung, anh đồng ý. Nhưng khi cháu F được 7 tuổi thì phải hỏi ý kiến, nguyện vọng của cháu muốn ở với ai thì người đó trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản, công nợ chung: Anh thống nhất nh- ý kiến của chị **A** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:** Tất cả các giai đoạn từ khi thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đ- ợc thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTDS năm 2015. Các đ- ơng sự thực hiện theo đúng quyền và nghĩa vụ quy định của BLTTDS năm 2015. Đề nghị HĐXX xem xét, đánh giá chứng cứ trên cơ sở quy định của pháp luật để đ- a ra quyết định đúng đắn, chính xác, khách quan nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đ- ơng sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị **A**.

Tại phiên tòa hôm nay chị **A** vẫn giữ nguyên quan điểm xin đ- ợc ly hôn anh **B**, anh **B** vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

[2]Về hôn nhân: Chị Lê Thị **A** và anh Bùi Văn **B** kết hôn với nhau từ năm 2010, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức c-ới, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Chị **A**, anh **B** đều cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân là do anh **B** thường xuyên rượu chè, cờ bạc không tu chí làm ăn, không còn quan tâm đến gia đình vợ con, sau những lần rượu say về nhà chửi bới nhục mạ, đánh đập chị **A**; bản thân chị **A** đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh **B** vẫn không thay đổi, nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi cọ nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và nặng nề hơn. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên từ cuối năm 2016 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn ai quan tâm đến nhau, không ai còn có trách nhiệm đến ai. Việc mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình dàn xếp, khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị **A** yêu cầu được ly hôn, anh **B** mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ, nhưng anh đã không tích cực trong việc tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn, không có hành động gì để thể hiện mong muốn đoàn tụ của mình.

Xét tình cảm của anh chị thực tế không còn, mâu thuẫn không có khả năng hàn gắn đ-ợc, điều này chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ-ợc nên chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị **A**. Xử cho chị Lê Thị **A** đ-ợc ly hôn với anh Bùi Văn **B** là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]Về con chung: Chị **A**, anh **B** có 01con chung: cháu Bùi Thị Diệu F – sinh ngày 6/02/2011. Ly hôn chị **A** có nguyện vọng trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh **B** cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị, anh **B** cũng đồng ý. Nguyện vọng của chị là hoàn toàn chính đáng. Hiện nay chị **A** đang làm công nhân với mức thu nhập ổn định từ 6.000.000đ đến 7.000.000đ/tháng. Như vậy, chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị, giao cho chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng cháu F, anh **B** không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo được sinh hoạt và học tập của cháu và quy định của pháp luật.

[4]Về tài sản, công nợ chung: Chị **A**, anh **B** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5]Về án phí: Chị Lê Thị **A** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị **A** được ly hôn với anh Bùi Văn **B**.

2. Về con chung: Cháu Bùi Thị Diệu F - sinh ngày 06/02/2011 là con chung của chị Lê Thị **A** và anh Bùi Văn **B**. Công nhận sự thỏa thuận của anh chị: Giao cháu F cho chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **B** không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị **A**.

Anh **B** có quyền thăm nom con chung không ai đ-ợc cản trở.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Lê Thị A phải chịu 300.000đ án phí DSST, nh- ng đ- ọc trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 3868 ngày 03/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện E, chị A đã nộp đủ tiền án phí DSST.

Người đ- ọc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành đ- ọc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị A, Anh B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đ- ơng sự;
- VKS huyện E;
- THA huyện E;
- UBND xã Minh Tiến;
- THƯỜNGND tỉnh Thanh hóa;
- L- u hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Lâm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

